

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2020/DS-PT.  
Ngày: 23-9-2020.  
V/v tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Quốc Bảo**.

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Hữu Thịnh**;  
Ông **Võ Minh Diệp**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Lê Hoàng Tiến** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam:** Bà **Trần Thị Thanh Bắc** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2020/TLPT-DS ngày 19 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2020/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 67/2020/QĐXXPT-DS ngày 01 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Khối phố 7, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông **Ngô Thanh T** là Luật sư của Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Hồ Minh H**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Khối phố 1, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông **Bùi Anh N**, sinh năm 1976; địa chỉ: Khối phố M, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam (*Theo văn bản ủy quyền ngày 02/01/2019*). Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Phạm Thị Lệ N**, sinh năm

1988.

Địa chỉ: Khối phố 1, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Hồ Minh H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:* Bị đơn ông Hồ Minh H vay của nguyên đơn 900.000.000 đồng vào ngày 26/11/2017, lãi suất 3%/tháng, phương thức trả gốc và lãi hằng tháng, khi trả tiền gốc và tiền lãi thì bên vay sẽ ghi lại một giấy nhận nợ mới với số tiền gốc tương ứng với số tiền còn thực nợ và đánh chéo vào số tiền gốc cũ, coi như đã xóa đi chứng từ đó. Theo phương thức đó, ngày 27/01/2018, ông H mang tiền qua trả tiền gốc 100.000.000 đồng, ghi lại giấy nhận nợ 800.000.000 đồng, nhưng do hai tờ giấy ở hai trang khác nhau nên không đánh dấu chéo vào giấy nhận nợ 900.000.000 đồng. Ngày 19/5/2018, bà N (vợ ông H) mang tiền gốc qua trả 100.000.000 đồng và bà N viết giấy nhận nợ 700.000.000 đồng, ký và ghi tên người viết là ông H, đồng thời bà N cũng không đánh chéo vào giấy nhận nợ 800.000.000 đồng do ông H viết. Ngày 16 tháng 7 năm 2018, bà N sang trả tiền lãi của tháng 7 và ghi nội dung trả lãi vào sổ, ký và ghi tên bà N. Ngày 18 tháng 8 năm 2018, bà N sang trả 200.000.000 đồng tiền gốc, ghi lại giấy nhận nợ 500.000.000 đồng và tự gạch chéo chứng từ nợ 700.000.000 đồng ngày 19 tháng 5 năm 2018. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 500.000.000 đồng và tiền lãi 3%/tháng, tính lãi từ ngày 18 tháng 8 năm 2018 đến ngày khởi kiện. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 20%/năm và tính lãi từ ngày 16 tháng 10 năm 2018.

*Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Hồ Minh H cũng như người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Bùi Anh N trình bày:* Phía bị đơn xác nhận có vay nợ của nguyên đơn 900.000.000 đồng, lãi suất vay là 3%/tháng, trả lãi hằng tháng, thống nhất ý kiến của nguyên đơn về phương thức trả nợ và lập chứng từ nhận nợ sau khi trả nợ. Đến ngày 19 tháng 5 năm 2018, bị đơn còn nợ của nguyên đơn 700.000.000 đồng, nhưng đến ngày 16 tháng 7 năm 2018, vợ của bị đơn (bà N) qua nhà nguyên đơn trả đủ số tiền lãi trên số tiền gốc 700.000.000 đồng của tháng 7 năm 2018 và trả đủ số tiền gốc 700.000.000 đồng; đồng thời, đã gạch chéo vào chứng từ nợ gốc 700.000.000 đồng, ghi rõ vào sổ việc trả đủ lãi. Do vậy, bị đơn khẳng định đã trả hết nợ cho nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc 700.000.000 đồng.

Đối với chứng từ nợ 500.000.000 đồng vào ngày 18 tháng 8 năm 2018, bị đơn khẳng định đây là chứng từ của một giao dịch khác, riêng và không liên quan đến giao dịch vay 900.000.000 đồng. Cụ thể: thời điểm đó bị đơn có vay của nguyên đơn 1.000.000.000 đồng, còn thiếu tiền lãi là 15.000.000 đồng, khi bị đơn ở Hà Nội thì nguyên đơn điện, bảo vợ bị đơn sang nhà trả tiền lãi. Nhưng khi vợ bị đơn sang trả tiền lãi thì nguyên đơn lại nói với vợ bị đơn là bị đơn điện cho nguyên đơn nói cần vay 500.000.000 đồng để mua hàng ở Hà Nội và yêu cầu vợ bị đơn viết giấy nhận nợ 500.000.000 đồng để nguyên đơn chuyển tiền

qua cho bị đơn. Sau khi vợ bị đơn viết giấy nhận nợ thì nguyên đơn lấy chứng cứ này để khởi kiện nhưng không chuyển số tiền 500.000.000 đồng.

Bị đơn khẳng định chứng cứ lập ngày 18 tháng 8 năm 2018 do vợ bị đơn viết và ký tên bị đơn nên không đảm bảo tính khách quan và vì sau đó nguyên đơn không chuyển số tiền 500.000.000 đồng nên chứng cứ này không đúng thực tế. Chứng cứ ghi âm là đoạn ngắn trong toàn bộ cuộc nói chuyện giữa hai bên, không thể hiện hết lời nói của hai bên trong buổi nói chuyện tại nhà bị đơn nên không đảm bảo tính thực tế, không có ý nghĩa để làm căn cứ quyết định vụ việc. Do vậy, bị đơn xác định đã trả xong khoản vay 900.000.000 đồng và không vay số tiền 500.000.000 đồng nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả nợ gốc và nợ lãi.

*Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Lệ N trình bày:* Bà N xác nhận bà là người ghi giấy nợ 500.000.000 đồng vào ngày 18/8/2018 và khẳng định nội dung trình bày của bị đơn là đúng.

*Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:* Nguyên đơn xuất trình chứng cứ xác nhận nợ do bà Nguyên lập ngày 18/8/2018 và bản ghi âm đã được giám định để yêu cầu bị đơn trả 500.000.000 đồng còn nợ của số tiền vay 900.000.000 đồng là có cơ sở thực tế và đúng pháp luật. Trong quá trình tố tụng, bị đơn không có chứng cứ nào phản bác quan điểm của nguyên đơn; chứng cứ để bị đơn chứng minh vào ngày 18 tháng 8 năm 2018 bị đơn đang ở Hà Nội là không đảm bảo. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2020/DS-ST ngày 12/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam đã áp dụng các Điều 5, 26, 35, 92, 161 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 117, 401, 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Xác định thỏa thuận mức lãi suất trên 20%/năm của các bên không có hiệu lực pháp luật.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Buộc ông Hồ Minh H phải trả cho bà Trần Thị L số tiền 657.222.222 đồng, gồm 500.000.000 đồng tiền nợ gốc và 157.222.222 đồng tiền nợ lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Hồ Minh H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; người kháng cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Hồ Minh H thì thấy:

[2.1] Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị đơn đều xác định số tiền 900.000.000 đồng mà bị đơn viết giấy vay của nguyên đơn vào ngày 26/11/2017 đã được bị đơn thanh toán xong cho nguyên vào ngày 16/7/2018; còn số tiền 500.000.000 đồng mà vợ của bị đơn (*bà Phạm Thị Lệ N*) viết giấy vay của nguyên đơn vào ngày 18/8/2018, thực tế bị đơn không nhận số tiền này của nguyên đơn. Tuy nhiên, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là đoạn ghi âm cuộc nói chuyện tại nhà của bị đơn, được các bên thừa nhận giọng nói của người nữ là bà Trần Thị L, giọng nói của người nam là ông Hồ Minh H, thể hiện: Đến tháng 10/2018, bị đơn khẳng định có nợ của nguyên đơn số tiền 500.000.000 đồng và xác định bị đơn mới trả lãi 15.000.000 đồng và hẹn đến ngày 15/11/2018 sẽ tiếp tục trả lãi 15.000.000 đồng cho nguyên đơn. Đồng thời, vợ chồng bị đơn đều thừa nhận vợ bị đơn là người viết Giấy vay tiền ngày 18/8/2018, diễn ra trong khoảng thời gian sau ngày 19/5/2018 (*ngày viết giấy nhận nợ 700.000.000 đồng*) và trước tháng 10/2018 (*ngày nguyên đơn ghi âm cuộc nói chuyện giữa hai bên*). Như vậy, khoản nợ 500.000.000 đồng tại Giấy vay tiền ngày 18/8/2018 phù hợp với lời khai của nguyên đơn về việc vợ của bị đơn ghi lại khoản nợ gốc mới sau khi đã trả số tiền 200.000.000 đồng, đúng với phương thức trả nợ gốc và ghi lại

chứng từ nhận nợ mới sau khi trả một phần nợ gốc mà vợ chồng bị đơn đã thực hiện nhiều lần từ khi xác lập khoản vay 900.000.000 đồng cho đến khi còn nợ lại 700.000.000 đồng, phù hợp với lời thừa nhận nợ gốc và việc trả lãi của bị đơn tại chứng cứ ghi âm vào tháng 10/2018.

[2.2] Bị đơn cho rằng, chứng cứ ghi âm do nguyên đơn cung cấp có sự cắt xén và thời gian không đúng thực tế nhưng kết quả giám định kết luận không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các file mẫu cần giám định. Đối với bản ghi âm, ghi hình trích xuất từ camera do bị đơn cung cấp có âm thanh không rõ, phần âm thanh rõ thì không có nội dung nào xác định bị đơn đã trả xong các khoản nợ vay cho nguyên đơn hoặc phủ nhận lại lời thừa nhận của bị đơn đối với khoản nợ 500.000.000 đồng theo bản ghi âm do nguyên đơn cung cấp.

[2.3] Hơn nữa, tại đơn kháng cáo ngày 25/5/2020, bị đơn ông Hồ Minh H cho rằng số tiền 500.000.000 đồng bị đơn nói trong đoạn ghi âm (*do nguyên đơn cung cấp*) là do nguyên đơn đưa ra tờ giấy 500.000.000 đồng do vợ bị đơn lập ngày 18/8/2018 để cài bị đơn nói có mượn số tiền 500.000.000 đồng; còn số tiền lãi 15.000.000 đồng trong đoạn ghi âm là số tiền lãi của số tiền vay 1.000.000.000 đồng mà bị đơn đã vay trước đó. Tuy nhiên, tại văn bản trình bày ý kiến ngày 03/01/2019 (*BL 18*) bị đơn cho rằng ngày 17/6/2018 bị đơn đã trả số tiền gốc vay 1.000.000.000 đồng và số tiền lãi còn lại 15.000.000 đồng (*của số tiền gốc vay 1.000.000.000 đồng*) vợ bị đơn đã trả cho nguyên đơn vào ngày vợ bị đơn viết giấy mượn số tiền 500.000.000 đồng của nguyên đơn, đó là ngày 18/8/2018. Như vậy, sau khi vợ bị đơn viết giấy mượn số tiền 500.000.000 đồng của nguyên đơn vào ngày 18/8/2018 thì bị đơn đã trả xong số tiền lãi 15.000.000 đồng còn lại của số tiền gốc vay 1.000.000.000 đồng. Do đó, việc bị đơn kháng cáo cho rằng số tiền lãi 15.000.000 đồng trong đoạn ghi âm là số tiền lãi của số tiền vay 1.000.000.000 đồng mà bị đơn đã vay trước đó là mâu thuẫn với lời khai của bị đơn tại văn bản trình bày ý kiến ngày 03/01/2019 như đã nêu trên nên không có cơ sở để chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy, có đủ cơ sở xác định vào ngày 26/11/2017 bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 900.000.000 đồng, đến ngày 18/8/2018 bị đơn đã trả được 400.000.000 đồng tiền gốc và hiện nay còn nợ của nguyên đơn số tiền gốc là 500.000.000 đồng.

[2.4] Về số tiền lãi:

[2.4.1] Đối với số tiền lãi mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn, các bên khai không thống nhất với nhau. Cụ thể, bị đơn khai đã trả lãi (*theo mức lãi suất 36%/năm*) từ ngày 26/11/2017 đến ngày 16/7/2018, tổng cộng là 182.308.000 đồng. Còn nguyên đơn khai bị đơn đã trả lãi (*theo mức lãi suất 36%/năm*) từ ngày 26/11/2017 đến ngày 20/10/2018, tổng cộng là 235.675.000 đồng.

[2.4.2] Do nguyên đơn thừa nhận số tiền lãi bị đơn đã trả cao hơn so với số tiền lãi bị đơn thừa nhận đã trả cho nguyên đơn và các bên cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền lãi cụ thể mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận số tiền lãi bị đơn đã trả cho nguyên đơn theo

như sự thừa nhận của nguyên đơn là 235.675.000 đồng, đảm bảo có lợi cho bị đơn.

[2.4.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chấp nhận tính lại tiền lãi vay mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn theo mức lãi suất pháp luật quy định là 20%/năm và yêu cầu bị đơn phải trả lãi từ ngày 26/11/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền lãi mà bị đơn đã trả. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm tính lại số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn theo mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20%/năm, cụ thể như sau:

- Từ ngày 26/11/2017 đến ngày 26/01/2018 là 02 tháng, trên số tiền nợ gốc 900.000.000 đồng:  $02 \text{ tháng} \times 900.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/12 \text{ tháng} = 30.000.000 \text{ đồng}$ .

- Từ ngày 27/01/2018 đến ngày 19/5/2018 là 03 tháng 22 ngày, trên số tiền nợ gốc 800.000.000 đồng:  $(03 \text{ tháng} \times 800.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/12 \text{ tháng}) + (22 \text{ ngày} \times 800.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày}) = 40.000.000 \text{ đồng} + 9.644.000 \text{ đồng} = 49.644.000 \text{ đồng}$ .

- Từ ngày 20/5/2018 đến ngày 17/8/2018 là 02 tháng 28 ngày, trên số tiền nợ gốc 700.000.000 đồng:  $(02 \text{ tháng} \times 700.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/12 \text{ tháng}) + (28 \text{ ngày} \times 700.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày}) = 23.333.000 \text{ đồng} + 10.740.000 \text{ đồng} = 34.073.000 \text{ đồng}$ .

- Từ ngày 18/8/2018 đến ngày 12/5/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) là 20 tháng 24 ngày, trên số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng:  $(20 \text{ tháng} \times 500.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/12 \text{ tháng}) + (24 \text{ ngày} \times 500.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày}) = 166.667.000 \text{ đồng} + 6.575.000 \text{ đồng} = 173.242.000 \text{ đồng}$ .

Như vậy, tổng cộng tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn từ ngày 26/11/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (12/5/2020) là 286.959.000 đồng. Nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả được số tiền lãi là 235.675.000 đồng nên buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi còn lại là 51.284.000 đồng.

[2.5] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 551.284.000 đồng, gồm 500.000.000 đồng tiền nợ gốc và 51.284.000 đồng tiền nợ lãi.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử xác định lại nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm và bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Hồ Minh H, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2020/DS-ST ngày 12/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 38, 92, 148, 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 117, 401, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Hồ Minh H phải trả cho bà Trần Thị L số tiền 551.284.000 (Năm trăm năm mươi một triệu hai trăm tám mươi tư nghìn) đồng, gồm 500.000.000 đồng tiền nợ gốc và 51.284.000 đồng tiền nợ lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự và chi phí tố tụng khác:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Minh H phải chịu 26.051.000 (Hai mươi sáu triệu không trăm năm mươi một nghìn) đồng. Hoàn trả lại cho bà Trần Thị L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 12.300.000 (Mười hai triệu ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000964 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

- Chi phí tố tụng khác: Ông Hồ Minh H phải chịu 19.000.000 (Mười chín triệu) đồng tiền chi phí giám định, ông H đã nộp xong.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hồ Minh H không phải chịu. Hoàn trả lại cho ông H số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000612 ngày 27/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (23/9/2020).

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND thành phố Tam Kỳ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

- Chi cục THADS thành phố Tam Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Phạm Quốc Bảo**